

Số: 20/2018/QĐST- DS

TU, ngày 20 tháng 9 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN THỊ XÃ TU, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thêm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đào Văn Nô;

2. Bà Huỳnh Thị Lượng.

Căn cứ vào Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 294/2017/TLST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2017 về việc: Tranh chấp hợp đồng đặt cọc,

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông A, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn T, xã Tr, huyện Y, tỉnh Nam Định; tạm trú: Tổ 3, ấp Th, xã R, thị xã TU, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Bà X, sinh năm: 1994; địa chỉ: Khối 1, thị trấn S, huyện Q, tỉnh Quảng Trị; địa chỉ liên hệ: Khu dân cư thương mại U, khu phố 3, phường U, thị xã TU, tỉnh Bình Dương. (Là đại diện ủy quyền theo giấy ủy quyền ngày 21/3/2018).

2. Bị đơn:

2.1. Ông B, sinh năm: 1992;

2.2. Ông C, sinh ngày 27 tháng 8 năm 2000;

Người giám hộ đương nhiên: Ông B, sinh năm: 1992.

Cùng địa chỉ: Tổ 6, khu phố P, phường T, thị xã TU, tỉnh Bình Dương.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông D, sinh năm: 1967; địa chỉ: Số 78/12A V, khu phố 4, phường F, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà E, sinh năm: 1995; địa chỉ: Ấp 3B, xã M, huyện L, tỉnh Đồng Nai; địa chỉ liên hệ: Số 230, đường GS1, khu phố N2,

phường Z, thị xã Z, tỉnh Bình Dương. (Là đại diện ủy quyền theo giấy ủy quyền ngày 07/6/2018).

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Hủy Hợp đồng đặt cọc giữa bên chuyển nhượng ông B và ông C với bên nhận chuyển nhượng ông A được lập hình thức “Giấy nhận đặt cọc” ngày 21/01/2017.

Ông B và ông C liên đới trả cho ông A số tiền 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) trong đó 370.000.000 đồng tiền đặt cọc và 230.000.000 đồng là số tiền bồi thường thiệt hại.

2. Hủy Hợp đồng đặt cọc giữa bên chuyển nhượng ông B và ông C với bên nhận chuyển nhượng ông D được lập hình thức “Giấy đặt cọc” ngày 01/12/2017.

Ông B và ông C liên đới trả cho ông D số tiền 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng) trong đó 800.000.000 đồng tiền đặt cọc và 400.000.000 đồng là số tiền bồi thường thiệt hại.

Ông D có nghĩa vụ trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 436663; số vào sổ GCN: CS06652 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 25 tháng 10 năm 2017; người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất: Ông B, năm sinh 1992, CMND số: 280980282; địa chỉ thường trú: Tổ 6, khu phố P, phường T, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; cùng sử dụng đất với ông C, năm sinh 2000, CMND số: 281215092.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1 Ông A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông A tiền tạm ứng án phí đã nộp 17.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0013526, ngày 29 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TU.

3.2 Ông D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông D tiền tạm ứng án phí đã nộp 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0013859, ngày 10 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TU.

3.3 Ông B và ông C phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 29.800.000 đồng (Hai mươi chín triệu tám trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền phải thi hành thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành

án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 15/2017/QĐ-BPKCTT ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã TU.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BD;
- VKSND thị xã TU;
- Cơ quan THA thị xã TU;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Võ Thị Hồng Thêm